

phát triển kinh tế của đất nước, đóng góp cho nhà nước theo đúng nghĩa vụ quy định, không gian dối, thể hiện sự trung thực của người đảng viên.

- Đóng góp tích cực vào các chương trình xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, làm công tác từ thiện xã hội tốt nhất.

- Đối với công nhân làm thuê cho đơn vị mình, phải chăm lo đời sống cho tối, kể cả tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi xã hội, bảo hiểm xã hội v.v... làm công nhân gần bó thân thiết với đơn vị, không để xảy ra những vấn đề mâu thuẫn về lợi ích vật chất và tinh thần trong quan hệ giữa hai bên.

- Hỗ trợ tốt cho hoạt động của công đoàn và các đoàn thể quần chúng khác, lắng nghe ý kiến quần chúng để điều chỉnh những sai sót.

- Gần bó với tổ chức Đảng trong đơn vị, chịu sự kiểm tra về tư cách đảng viên và giúp đỡ tổ chức Đảng hoạt động tốt trong quần chúng.

Trong thực tế, bất cứ đảng viên nào có thuê mướn lao động trong đơn vị của mình dù nhỏ hay lớn mà giải quyết tốt mối quan hệ với người lao động, với nhà nước, với địa phương và xã hội thì đều đủ tư cách đảng viên. Nếu sai phạm thì tùy lỗi nặng nhẹ mà thi hành kỷ luật từ hình thức thấp đến cao. Đó là quyền hạn của tổ chức Đảng.

3. Vấn đề khoa học và đời sống thực tiễn

Cuối cùng, nhân đây, tôi muốn nhắc lại lời dặn của Mác và Ăng ghen. Tất cả chúng ta đều biết tuyên ngôn của Đảng cộng sản do Mác và Ăng ghen khởi thảo thay mặt cho đồng minh những người cộng sản công bố năm 1848 là cương lĩnh chính trị rất cơ bản của giai cấp vô sản và của những người cộng sản trên thế giới. Trong lời tựa viết ngày 24.6.1872 nhân tuyên ngôn được in lại, Mác và Ăng ghen nói rõ: "dù hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong 25 năm qua nhưng những nguyên lý chung trình bày trong bản tuyên ngôn này, ngày nay, nói về toàn bộ, vẫn còn hoàn toàn chính xác. Có một vài chỗ lẽ ra nên sửa lại. Chính ngay bản tuyên ngôn cũng đã giải thích rằng việc áp dụng những nguyên lý ở đâu và lúc nào cũng phải tùy theo biện pháp cách mạng kể ra ở cuối chương hai. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì nhiều điểm cũng phải viết

khác hẳn đi".

Khoảng cách từ 1848 – 1872 là 24 năm. Với 24 năm, Mác và Ăng ghen đã tư duy thêm một số khía cạnh trong luận điểm của tuyên ngôn, bởi tình hình năm 1872 không hoàn toàn giống tình hình năm 1848, về phát triển cơ sở vật chất thế giới công nghiệp, về độ trưởng thành của giai cấp công nhân, về những kinh nghiệm mà giai cấp vô sản rút được qua các cao trào cách mạng. Trong lời tựa này, hai nhà lý luận kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học đã rút ra từ Công xã Ba Lê một ý kiến đáng được chúng ta hiện nay suy gẫm. Công xã Ba Lê lần đầu tiên

đem chính quyền về cho giai cấp vô sản trong 2 tháng, làm cho cương lĩnh (tức tuyên ngôn) có một vài điểm đã cũ rồi, trong đó Mác và Ăng ghen nhấn mạnh: "Giai cấp công nhân mà chỉ chiếm lấy bộ máy nhà nước để bắt nó phục vụ cho mục đích của chính mình thôi là chưa đủ".

Tôi muốn đi tương đối tận cùng vấn đề đang được quan tâm và chúng ta đã có trong tay không biết bao nhiêu kinh nghiệm. Hiểu "bóc lột" như thế nào nằm trong phạm trù hiểu phép duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – một vấn đề của khoa học và của đời sống thực tiễn.... ■

Nhận thức về bóc lột và vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân

PGS.TS. HỒ TRỌNG VIỆN

Người đóng góp lao động sống thì hưởng tiền công (tiền lương) còn người đóng góp lao động quá khứ (góp vốn, tư liệu sản xuất) thì hưởng lợi nhuận, đó là lẽ tự nhiên, công bằng, cũng giống như góp vốn bằng tiền gửi vào ngân hàng và được hưởng lợi tức vậy.

Mấy vấn đề phương pháp luận

1. Giá trị thặng dư

Trong quá trình tiến hành sản xuất vật chất để mưu sinh, con người không ngừng nâng cao trình độ, tích lũy kinh nghiệm, cải tiến công cụ và phương pháp sản xuất ... làm tăng năng suất lao động, đưa đến sự xuất hiện sản phẩm thừa, tức lượng sản phẩm vượt ra ngoài nhu cầu tất yếu, gọi là sản phẩm thặng dư.

Sản phẩm thặng dư gắn liền với toàn bộ tiến trình lịch sử, sản xuất vật chất, là mục tiêu, tiền đề của sự phát triển lực lượng sản xuất, và cơ sở của tái sản xuất mở rộng. Nó là một phạm trù kinh tế hiện thực tất

yếu của mọi hình thái kinh tế – xã hội.

Trong điều kiện có phân công lao động xã hội và sự tách biệt về quyền chi phối đối với các sản phẩm (khi xuất hiện chế độ tư hữu), việc trao đổi các sản phẩm thặng dư, đòi hỏi có cơ sở chung, đồng chất để so sánh với nhau về lượng (ngang giá) đã hình thành phạm trù hao phí lao động xã hội cần thiết, dựa trên sự qui đồng các lao động tư nhân thành lao động xã hội, thể hiện dưới hình thức trừu tượng (gọi là lao động trừu tượng) kết tinh trong sản phẩm đó gọi là giá trị.

Vậy trong nền kinh tế hàng hóa, các sản phẩm thặng dư có hình thức biểu hiện bằng quan hệ giá trị, tức giá trị thặng dư.

Theo đó, sự tồn tại phạm trù giá trị thặng dư là tất yếu, tự nhiên trong một nền sản xuất hàng hóa và phổ biến trong nền sản xuất hàng hóa lớn.

Giá trị thặng dư chỉ được coi là một phạm trù "bóc lột" khi nó được ra đời và tồn tại trong một quan hệ sản xuất đặc thù, đó là quan hệ chiếm đoạt thành quả lao động của người khác dựa trên quyền sở hữu về tư liệu sản xuất. Quan hệ này là quan hệ cơ bản, xuyên suốt quy định sự tồn tại và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nó trở thành quy luật kinh tế cơ bản của phương thức sản xuất đó. Và chính vì vậy học thuyết giá trị thặng dư của K.Marx được V.I.Lênin coi là "viên đá tảng" trong toàn bộ học thuyết kinh tế K.Marx vì nó vạch rõ mối quan hệ nền tảng, bản chất nhất của xã hội tư bản – quan hệ giữa giai cấp chủ tư bản, sở hữu tư liệu sản xuất, chiếm đoạt kết quả lao động không công của giai cấp công nhân làm thuê.

2. Mối quan hệ giữa hàng hóa sức lao động và giá trị thặng dư

Hàng hóa sức lao động là cơ sở và nguyên nhân của giá trị thặng dư. Song không phải ở đâu, lúc nào có hàng hóa sức lao động thì ở đó, lúc ấy có giá trị thặng dư với tư cách là quan hệ bóc lột.

Trong thực tế lịch sử, hàng hóa sức lao động đã xuất hiện dựa trên tiền đề lịch sử: Người lao động được tự do thân thể (nhờ cách mạng dân chủ tư sản) và họ không có tư liệu sản xuất buộc phải đem bán cái "tài sản" duy nhất của mình là hàng hóa sức lao động, tồn tại trong chính cơ thể họ để mưu cầu sự sống.

Thứ hàng hóa đặc biệt này có một công dụng độc đáo là tạo ra lượng giá

trị lớn hơn giá trị của chính nó tức tạo ra giá trị thặng dư. Và chủ tư bản, kẻ mua và trở thành chủ sở hữu thứ hàng hóa nó đã chiếm đoạt (hợp pháp) những giá trị thặng dư đó, mà không chịu một chi phí ngang giá nào cả! Thực chất của giá trị thặng dư là phần chênh lệch giữa lượng giá trị do sức lao động tạo ra (lao động sống) với lượng giá trị của bản thân sức lao động ấy.

Học thuyết giá trị thặng dư của K.Marx là đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể như nói trên.

Trong hoàn cảnh lịch sử khác, người bán (chủ sức lao động) và người

động thặng dư tạo ra giá trị thặng dư, cung cấp và trang trải cho toàn bộ các hoạt động ngoài khu vực nói trên như chi phí về quản lý xã hội, quân đội quốc phòng, hành chính, văn hóa giáo dục, y tế, phúc lợi, tích lũy phát triển sản xuất.

3. Mối quan hệ giữa ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và giá trị thặng dư

K.Marx phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến là để chứng minh rõ giá trị tư liệu sản xuất chỉ chuyển dịch nguyên vẹn vào sản phẩm chứ không thể tăng thêm giá trị;

chỉ có sức lao động làm thuê mà chủ tư bản đã mua (v) mới làm tăng thêm giá trị cho nhà tư bản.

Vậy trong thực tế hiện nay, nhiều xí nghiệp tư bản loại bỏ công nhân ra khỏi dây chuyền sản xuất để ứng dụng kỹ thuật mới, thậm chí có xí nghiệp tự động hóa hoàn toàn và thu được lợi nhuận nhiều hơn trước, là vì sao?

Điểm mấu chốt trong nhận thức và giải thích

vấn đề này là phân biệt quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư và quá trình thực hiện giá trị thặng dư giữa các nhà tư bản (khác nhau về tính chất, không gian, thời gian, đại lượng).

Ở những xí nghiệp tự động hóa hoàn toàn, giá trị sản phẩm gần như chỉ có lao động quá khứ chuyển dịch sang còn lại phần lao động sống (lao động ấn nút) kết tinh vào, gần như không đáng kể, nghĩa là giá trị thặng dư ở đó coi như bằng không. Nếu trên thị trường, giá cả luôn nhất trí (trùng khớp) với chi phí lao động cá biệt của các hàng hóa, thì chủ tư bản ở xí nghiệp nói trên không thu được giá trị thặng dư, và như vậy, sẽ chẳng ai đại gì ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

Song thực tế lại là các hàng hoá được bán theo giá trị xã hội, theo hao



Ảnh Diệp Đức Minh

mua (chủ tiền tệ) không như nói trên thì sao?

Như đã nói ở trên, bóc lột là sự chiếm đoạt kết quả sức lao động của người khác dựa trên quyền tư hữu về tư liệu sản xuất. Vậy trong hoàn cảnh thuê mướn nhân công, hợp đồng lao động, mà không phải là giữa chủ tư bản và người làm thuê thì hàng hóa sức lao động ở đó không mang quan hệ bóc lột, mặc dù vẫn tạo ra giá trị thặng dư.

Nước ta phát triển nền kinh tế thị trường, tất yếu có hàng hóa sức lao động và giá trị thặng dư.

Trong khu vực sản xuất vật chất, thời gian lao động của mỗi người đều bao gồm hai phần: tất yếu và thặng dư. Phần lao động tất yếu tương ứng với tiền lương (tiền công) và tiền thưởng, tức thu nhập trực tiếp của họ. Phần lao

phí lao động xã hội cần thiết, không kể đến tỉ lệ lao động quá khứ và lao động sống trong hàng hóa đó là như thế nào. Do vậy, ở xí nghiệp tự động hóa, do có năng suất lao động cao, giá trị cá biệt của hàng hóa của nó thấp hơn giá trị xã hội, nên khi bán thu được lợi nhuận siêu ngạch. Đây là lí do kích thích sự ứng dụng kĩ thuật mới, kể cả tự động hóa. Tất nhiên trong trường hợp giá cả thiết bị, máy móc cao dẫn tới giá trị cá biệt của hàng hóa ở đó cao hơn giá trị xã hội thì chẳng đại gì mà lại không tận dụng lao động sống của công nhân làm thuê.

Phần lợi nhuận siêu ngạch mà xí nghiệp tự động hóa thu được, như nói trên là sự dịch chuyển, phân phối lại nguồn giá trị thặng dư do giai cấp công nhân làm thuê đã tạo ra ở xí nghiệp khác, thông qua quan hệ thị trường mà phân phối lại cho nó.

Đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân

Sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất, đưa nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn hiện đại, gắn liền và thống nhất với quá trình trưởng thành của giai cấp công nhân sản phẩm của nền đại công nghiệp cùng với đảng tiên phong của nó, trong vai trò lãnh đạo cách mạng và là nhân tố quyết định sự thắng lợi. Nhận rõ ý nghĩa sâu sắc của vấn đề đó, nên trong quá trình phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, Đảng ta luôn quan tâm phát triển công nghiệp và giai cấp công nhân, chú trọng phát triển Đảng trong giai cấp công nhân và bồi dưỡng nâng cao bản chất, lập trường giai cấp công nhân cho mỗi Đảng viên và trong toàn Đảng; chăm lo xây dựng Đảng về cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức; đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng (được ghi rõ trong Hiến pháp) đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng, xây dựng và phát triển nước nhà. Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã đúc kết thành một trong những bài học chủ yếu quyết định sự thành bại của công cuộc đổi mới và phát triển đất nước ta là: “Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi

xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt”.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và của từng đảng viên trong hoàn cảnh xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay, cần phải làm rõ và khẳng định vấn đề: Đảng viên làm kinh tế tư nhân – và theo đó, trước hết phải làm rõ (cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn), thế nào là tư bản tư nhân, thế nào là bóc lột, cùng vai trò và ý nghĩa của nó.

Cần thống nhất về quan điểm nhận thức và khẳng định nhất quán ngay rằng: là đảng viên của Đảng cộng sản thì không thể là người bóc lột, hoạt động kinh doanh thuê mướn lao động nhằm thu giá trị thặng dư làm giàu cho mình, không thể là người sống bằng kết quả lao động không công của người khác, sống trên lưng những người làm thuê được gọi là đồng chí của mình, cùng giai cấp, lý tưởng với mình.

Song vấn đề mấu chốt ở đây là thế nào là bóc lột và người bóc lột?

Không phải cứ hề có thuê mướn lao động là có bóc lột và người bóc lột xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh, sử dụng lao động làm thuê là lập tức trở thành kẻ bóc lột!

Theo lý luận về phân phối sản phẩm xã hội của K.Marx, những người lao động sản xuất vật chất (dù ở chế độ xã hội nào cũng vậy), tạo ra của cải cho xã hội, chỉ được hưởng (nhận lại) một phần trong kết quả lao động của mình đã sáng tạo ra một cách trực tiếp, phần còn lại là đóng góp cho xã hội, phục vụ cho các nhu cầu chung như: mở rộng sản xuất, phát triển văn hóa xã hội, quốc phòng an ninh, phúc lợi cộng đồng, quản lý hành chính, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường...tức người lao động có thể được nhận lại một cách gián tiếp với mức độ, cách thức khác nhau. Như vậy, không phải cứ đi làm thuê cho doanh nghiệp tư nhân là bóc lột (dù có thu nhập cao), còn làm cho Nhà nước thì không bị bóc lột (dù có thu nhập thấp hơn).

Mặt khác, người bỏ vốn mua sắm tư liệu sản xuất, thuê lao động, đầu tư sản xuất kinh doanh, thu được lợi nhuận, về thực chất là họ đóng góp lao động quá khứ vào quá trình sản xuất xã

hội, và do vậy góp phần tạo ra của cải làm giàu cho xã hội, đóng góp vào ngân sách nhà nước, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động...

Người đóng góp lao động sống thì hưởng tiền công (tiền lương) còn người đóng góp lao động quá khứ (góp vốn, tư liệu sản xuất) thì hưởng lợi nhuận, đó là lẽ tự nhiên, công bằng, cũng giống như góp vốn bằng tiền gửi vào ngân hàng và được hưởng lợi tức vậy. Lẽ nào người có tiền gửi vào ngân hàng (vài ba tỷ đồng VN) để thu lợi tức, sống đàng hoàng thì không bị coi là bóc lột, được khuyến khích. Còn nếu đem tiền đó đầu tư kinh doanh tạo ra của cải vật chất cho xã hội, giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động, đóng góp vào nguồn thu của nhà nước v.v...và thu được lợi nhuận, thì lại bị coi là bóc lột, cần phải xem xét, xử lý?

Theo lý luận về tư bản và giá trị thặng dư của K.Marx thì: một chủ xí nghiệp trở thành nhà tư bản và mang quan hệ bóc lột khi lượng giá trị thặng dư (hay lợi nhuận) mà anh ta thu được hàng năm – tức phần còn lại trong doanh thu sau khi đã khấu trừ các khoản: đóng thuế cho nhà nước và trả công lao động kể cả công quản lý của bản thân anh ta phải đạt tới mức độ đủ lớn có thể đảm bảo cho gia đình chủ xí nghiệp sống không cần lao động, tức có thể sống bằng kết quả lao động không công của người khác, những người làm thuê cho mình.

Đây là tiêu chí chủ yếu để đánh giá, xác định tư bản và bóc lột chứ không phải là lượng công nhân thuê mướn nhiều hay ít!

Và như vậy, việc phân định và xác lập trên thực tế, thế nào là tư bản tư nhân và bóc lột ở nước ta hiện nay và theo đó Đảng viên được làm kinh tế tư nhân với lượng giá trị thặng dư (lợi nhuận) thu được tới mức nào để vẫn mang bản chất người lao động và lý tưởng của giai cấp công nhân, của Đảng chứ chưa biến thành người bóc lột, nhà tư bản là phải dựa trên cơ sở lý luận về tư bản và bóc lột giá trị thặng dư của K.Marx như nói trên; mà cụ thể ở đây là căn cứ để phân định xí nghiệp là tư bản tư nhân và tiểu chủ, và từ đó cho phép đảng viên được làm kinh tế tư bản tư nhân đến mức là tiểu chủ vậy ■